

**UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *522* /STNMT-MT

Điện Biên, ngày *24* tháng 6 năm 2019

V/v tổng hợp kết quả đánh giá, thống kê các cơ sở sản xuất và dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây sự cố môi trường.

Kính gửi: Tổng cục Môi trường

Thực hiện Văn bản số 1694/UBND-KTN ngày 12/6/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tăng cường công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường của các cơ sở sản xuất, dự án khai thác khoáng sản. Sau khi tổng hợp ý kiến các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp kết quả đánh giá, thống kê các cơ sở sản xuất và dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây sự cố môi trường (*Chi tiết biểu phụ lục kèm theo*).

Trên đây là tổng hợp kết quả đánh giá, thống kê các cơ sở sản xuất và dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngôn Ngọc Khuê

PHỤ LỤC

Cơ sở, dự án khai thác khoáng sản có nguy cơ gây sự cố môi trường
(Kèm theo Công văn số 584/STNMT-MT ngày 24/6/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

| TT | Tên Cơ sở, dự án | Địa chỉ | Loại hình sản xuất, kinh doanh | Quy mô công suất | Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM/đề án BVMT | Giấy xác nhận hoàn thành công trình BVMT | Đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án |
|----------|---|-------------------------------------|---|---|---|--|--|
| I | Cơ sở, dự án khai thác khoáng sản (bao gồm cả công đoạn làm giàu khoáng sản) | | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Xi Măng Điện Biên | Tây Trang, xã Na Ú, huyện Điện Biên | Khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất xi măng | TL=12.785.000m ³ CS=197.000 m ³ /năm | 66/QĐ-UBND ngày 27/1/2014 | 44/GXN-STNMT ngày 20/01/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 2 | Công ty TNHH Đô thị, Thương mại và Dịch vụ Hoàng Anh | Ka Hâu II, xã Na Ú, huyện Điện Biên | Khai thác đá làm VLXDTT | TL=23.926.500m ³ Cs=450.000 m ³ /năm | 595/QĐ-UBND ngày 20/5/2010 | 1111/GXN-STNMT ngày 27/12/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 3 | Doanh nghiệp thương mại tư nhân Đại Dương | xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo | Khai thác đá làm VLXDTT | TL: 796.842 m ³ CS: 30.000 m ³ /năm | 380/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |

| | | | | | | | |
|---|---|--|----------------------------|--|----------------------------------|--|---|
| 4 | Công ty CP ĐTXD và Thương mại Huy Hoàng | Huổi Nhật 2, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL ĐC: 451.903m ³ CS: 30.000 m ³ /năm | 379/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 5 | Công ty TNHH Trường Thọ Điện Biên | Bản Hả, xã Pá Khoang, huyện Điện Biên | Khai thác đá làm VLXDĐT | TLĐC: 300.165 m ³ CS: 6.000 m ³ /năm | 1401/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 6 | | Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé | Khai thác đá làm VLXDĐT | TLĐC: 350.222 m ³ CS: 6.000 m ³ /năm | 1402/ QĐ-UBND ngày 18/12/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 7 | | Pằng Dề B, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa | Khai thác đá làm VLXDĐT | TLĐC: 728.189 m ³ CS: 8.000 m ³ /năm | 1405/ QĐ-UBND ngày 18/12/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 8 | | Pa Tản, xã Pa Tản, huyện Nậm Pồ | Khai thác đá làm VLXDĐT | TLĐC: 150.399 m ³ CS: 6.000 m ³ /năm | 1400/ QĐ-UBND ngày 18/12/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 9 | | Sen Thượng | Khai thác đá | TLĐC: 250.825 m ³ | 1404/ QĐ-UBND | | Nguy cơ xảy |

| | | | | | | | |
|----|--|---|-------------------------|---|------------------------------|------------------------------|--|
| | | xã Sen Thương, huyện Mùong Nhé | làm VLXDTT | CS: 4.000 m3/năm | ngày 18/12/2015 | | ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 10 | Công ty CP ĐTXD và Quản lý đường bộ II | Khối 1 thị trấn Mùong Chà, huyện Mùong Chà | Khai thác đá làm VLXDTT | TL= 560.450m3 CS=20.000 m3/năm | 523/QĐ-UBND ngày 26/7/2013 | 693/GXN-STNMT ngày 19/8/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 11 | Công ty cổ phần công trình giao thông tỉnh Điện Biên | Huổi Dích, xã Na Sang, huyện Mùong Chà | Khai thác đá làm VLXDTT | TL ĐC: 282.260 m3 TLKT: 254.034m3 CS: 15.000 m3/năm | 378/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 12 | Công ty cổ phần Cao nguyên Hà Giang | Mùong Ảng 4, xã Ảng Nưa, huyện Mùong Ảng | Khai thác đá làm VLXDTT | TL = 954.560 m3 CS = 15.000 m3/năm | 1013/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 13 | Doanh nghiệp Tư nhân xây dựng Minh Quý | Mùong Ảng 1, thị trấn. Mùong Ảng, huyện Mùong Ảng | Khai thác đá làm VLXDTT | TL=1.817.800m3 CS=65.000m3/năm | 515/QĐ-UBND ngày 24/7/2013 | 687/GXN-STNMT ngày 16/8/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 14 | Công ty CP ĐTTM Hưng Long | Tây Trang 10, xã Na U, | Khai thác đá làm VLXDTT | TL=3.986.210m3 CS=150.000 | 942/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 | 645/GXN-STNMT | Nguy cơ xảy ra các sự cố: |

| | | | | | | | |
|----|---|---|-------------------------|--|--------------------------------------|----------------|--|
| | | huyện Điện Biên | | m3/năm | | ngày 03/8/2016 | Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 15 | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Dũng | Mường Nhà 1, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL: 253.831 m3 CS: 8.000 m3/năm | 1027/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 16 | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Linh | Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL ĐC: 649.852 m3 CS: 13.000 m3/năm | 1071/QĐ-UBND ngày 26/10/2015 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 17 | Cty TNHH Thương mại và Xây dựng số 6 | Bản Nà Ri, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL ĐC: 169,062 m3 CS: 8.000 m3/năm | 509/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2016 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 18 | Doanh nghiệp TN Đại Phong | bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL: 303.104 m3 CS: 8.000 m3/năm | 183/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ moong khai thác; sạt sụt bãi thải đất đá |
| 19 | DN tư nhân xây dựng Duy Hồng | Đèo Gió, xã Sinh Phình, huyện Tủa | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL: 297.652 m3 CS: 8.000 m3/năm | 123/QĐ-UBND ngày 8/2/2018 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sự cố sạt lở bờ |

| | | | | | | | |
|----|---|--|--------------------------|-------------------------------------|----------------------------|--|--|
| | | Chùa | | | | | moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 20 | Công ty TNHH Hoàng Ánh | Sín Sủ, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa | Khai thác đá làm VLXDĐT | TL:309.021 m3 CS: 8.000 m3/năm | 121/QĐ-UBND ngày 7/2/2018 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sạt lở bờ moong khai thác; sạt sứt bãi thải đất đá |
| 21 | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đầu tư công nghệ Sơn Thủy | Đội 6, xã Pom Lót và đội 19, xã Noong Luông, huyện Điện Biên | Khai thác cát làm VLXDĐT | TL 56.469,6 m3 CS: 8.000 m3/năm | 71/QĐ-STNMT ngày 16/4/2014 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |
| 22 | Cty TNHH Vật liệu và xây dựng Phương Bắc tỉnh Điện Biên | Đội 6, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luông, huyện Điện Biên (lòng sông Nậm Rốm) | Khai thác cát làm VLXDĐT | TL: 37.661,4 m3 CS: 7.000 m3/năm | 76/QĐ-UBND ngày 28/4/2014 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |
| 23 | Công ty CP Thịnh Vượng | Đội 1, bản Noong Vai, xã Thanh Yên và Đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên | Khai thác cát làm VLXDĐT | TL: 55.056 m3 CS: 9.263 m3/năm | 915/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |

| | | | | | | |
|----|---|--|--|--|-------------------------------|--|
| 24 | Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ngọc Dũng | Bản Pom Lót, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luồng, huyện Điện Biên | Khai thác cát làm VLXDTT | TL: 34.506 m ³ CS: 5.000 m ³ /năm | 1451/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |
| 25 | Cty TNHH số 32 | Lòng suối Nậm He Nội, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà | Khai thác cát làm VLXDTT | TL: 25.696 m ³ CS: 4.000 m ³ /năm | 182/ QĐ-UBND ngày 10/3/2017 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |
| 26 | Cty TNHH Lâm My | Đội 19 xã Noong Hẹt và đội 19 xã Noong Luồng | Khai thác cát làm VLXDTT | TL 48.190 m ³ ; CS 8.000 m ³ /năm | 1450/ QĐ-UBND ngày 16/11/2016 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Xói lở bờ sông; thay đổi chế độ dòng chảy; ô nhiễm môi trường nước |
| 27 | Cty TNHH Đầu tư công nghiệp Tây Bắc | Bản Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông | Khai thác than cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước | TL = 150.416 tấn CS = 15.000 tấn/năm | 198/XN-UBND ngày 03/6/2011 | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sạt sụt bờ moong khai thác; ô nhiễm môi trường không khí |
| 28 | Công ty TNHH Ngọc Cương | Tin Lán xã Núi Ngom | Khai thác than cung cấp cho thị | TL = 100.000 tấn CS = 5.000 tấn/năm | 231/CKMTg-TNMT ngày | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sạt sụt bờ moong |

| | | | | | | | |
|----|----------------------------------|--|--|---|---------------------------------|--|--|
| | | Biên | ngoài nước | | | | khai thác; ô nhiễm môi trường không khí |
| 29 | | Bản Na Sang 2, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên | Khai thác than cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước | TL = 101.000 tấn CS = 5.000 tấn/năm | 921/XNCKMT-UBND ngày 28/12/2007 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Sạt sụt bờ moong khai thác; ô nhiễm môi trường không khí |
| 30 | Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Thành | Bản Huổi Tao A xã Pú Nhi huyện Điện Biên Đông | Khai thác, chế biến khoáng sản chì, kẽm | TL = 244.076 tấn quặng CS = 15.000 tấn quặng/năm | 507-QĐ-UBND ngày 29/4/2010 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Trượt lở đất, bồi lắng dòng chảy; vỡ ao, bể chứa chất thải |
| 31 | Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Thành | Pa Ham - Phong châu xã Pa Ham và xã Hừa Ngải huyện Mường Chà | Khai thác, chế biến quặng sắt | TL = 770.150 tấn quặng CS = 35.000 tấn/năm | 344/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 | | Nguy cơ xảy ra các sự cố: Trượt lở đất, bồi lắng dòng chảy; vỡ ao, bể chứa chất thải |